TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 31-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Mai Hương;

Ông Lý Quang Ngọc.

- Thư ký phiên toà: Bà Lý Thị Slỉnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 02/2024/QĐ-HSST ngày 24 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Dương Văn E, tên gọi khác: Dương Trung H, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1972 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T (đã chết) và bà Vi Thị C; có vợ là Hoàng Thị X và 06 con (con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/5/2023 cho đến nay; có mặt.

2. Vũ Văn T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1984 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Trương Thị N và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giam từ ngày

25/3/2023 đến ngày 19/5/2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh cho đến nay; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Uỷ ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn U - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ Lên quan đến vụ án:*

1. Ông Mua Mí M, sinh năm 1981; vắng mặt.

2. Ông Mua Mí P, sinh năm 1975; vắng mặt.

3. Ông Giàng Mí H, sinh năm 1978; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

4. Ông Vàng Lão S, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

5. Anh Ly Mí S, sinh năm 2002; vắng mặt.

6. Anh Lầu Mí T, sinh năm 2000; vắng mặt.

7. Anh Sùng Mí H, sinh năm 1995; vắng mặt.

8. Anh Chảo Mí S, sinh năm 1994; vắng mặt.

9. Anh Chảo Lão S, sinh năm 2000; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài Lệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/3/1993, Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn bàn giao khu rừng thuộc đồi *"Lùng Hâu"* thuộc lô số 02, khoảnh 12, tiểu khu 359 (bản đồ hiện trạng rừng xã H năm 2020), theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H là thuộc thửa đất số 394, tờ bản đồ số 01 tại thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho Ủy ban nhân dân xã H quản lý. Ngày 08/10/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định số 1833/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn; ngày 24/4/2020, UBND tỉnh Lạng Sơn tiếp tục ban hành Quyết định số 687/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 xác định khu rừng thuộc lô số 02, khoảnh 12, tiểu khu 359 (bản đồ hiện trạng rừng xã H năm 2020), theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H là rừng tự nhiên - rừng phòng hộ.

Ngày 01/4/1996, bị cáo Dương Văn E (Dương Trung H) được Uỷ ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng tại Quyết định số 177/UB-QĐ ngày 01/4/1996, được cấp Hồ sơ Giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng đăng ký tại Hạt Kiểm lâm ngày 01/4/1996, biên bản giao nhận rừng và đất trồng rừng ngày 15/5/1996 tại Thôn T, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thể

hiện giao nhận đối với diện tích 45ha thuộc khoảnh 151, tiểu khu Mạng Mời, loại hình trạng thái là đất trống.

Khoảng giữa tháng 7/2021, bị cáo Vũ Văn T gặp bị cáo Dương Văn E và thỏa thuận với nhau về việc bị cáo Vũ Văn T thuê đất rừng của bị cáo Dương Văn E, tiền thuê là 1.000.000 đồng/01ha đất rừng/01 năm, thời hạn 20 năm, với điều kiện khu rừng phải được dọn sạch mặt bằng và các cây cũ để bị cáo Vũ Văn T có thể trồng được cây mới. Bị cáo Dương Văn E đã đồng ý và hẹn với bị cáo Vũ Văn T khi nào có người làm sẽ đưa bị cáo Vũ Văn T đi chỉ vị trí và ranh giới khu rừng cho bị cáo Vũ Văn T thuê. Việc thoả thuận cho thuê quyền sử dụng đất giữa các bị cáo không tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai. Bị cáo Dương Văn E không hỏi cơ quan chức năng để xác định vị trí và ranh giới đất rừng mà tự xác định khu rừng thuộc đồi *"Lùng Hâu"*, thuộc lô số 02, khoảnh 12, tiểu khu 359 (bản đồ hiện trạng rừng xã H năm 2020), theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H là thuộc thửa đất số 394, tờ bản đồ số 01 tại thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ tại thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc quyền quản lý, sử dụng của bị cáo.

Đến khoảng 16 giờ ngày 25/7/2021, bị cáo Vũ Văn T có gặp Mua Mí M là người quản lý của nhóm người làm thuê bao gồm 09 (chín) người là: Mua Mí P, Giàng Mí H, Vàng Lão S, Ly Mí S, Lầu Mí T, Sùng Mí H, Thào Mí Pó, Chảo Mí S và Chảo Lão S đang làm thuê với nhiệm vụ chăm sóc rừng bạch đàn tại Thôn T, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Vũ Văn T có nói với Mua Mí M và những người ở làm thuê ở đó là cần người khỏe để đi cưa cắt cây và trồng cây mới. Do quen biết từ trước và công việc chăm sóc rừng bạch đàn đã xong nên Mua Mí M có nói lại với những người đang làm thuê đồng thời đang có mặt ở đó là có chỗ làm mới, nếu ai đi làm được thì mai đi theo ông Vũ Văn T để ông Vũ Văn T chỉ chỗ làm mới. Rồi Mua Mí M tự thỏa thuận tiền công với nhóm người làm thuê với số tiền là 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng)/01 (một) ngày đối với người biết dùng cưa và 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng)/01 (một) ngày đối với người chỉ biết dùng dao. Sau đó Mua Mí M giao 02 (hai) máy cưa mà Mua Mí M đã mua từ trước cho Giàng Mí H, Chảo Mí S và Sùng Mí H để thay nhau sử dụng và 07 (bảy) con dao cho những người còn lại.

Sau khi gặp nhóm người làm thuê xong, bị cáo Vũ Văn T gọi điện cho bị cáo Dương Văn E và nói "*có người làm rồi*" và bảo bị cáo Dương Văn E sáng ngày hôm sau đưa đi đến chỗ khu rừng. Bị cáo Dương Văn E đồng ý và hẹn gặp bị cáo Vũ Văn T ở đoạn đường gần nhà của ông Hoàng Văn Vàng. Đến khoảng 09 giờ 00 phút ngày 26/7/2021, bị cáo Vũ Văn T đến lán của nhóm người làm thuê và đưa Mua Mí P, Giàng Mí H, Vàng Lão S, Ly Mí S, Lầu Mí T, Sùng Mí H, Thào Mí Pó, Chảo Mí S và Chảo Lão S đến điểm hẹn với bị cáo Dương Văn E, còn Mua Mí M lúc này một mình đi về Hà Giang. Sau đó, bị cáo Dương Văn E tiếp tục đưa bị cáo Vũ Văn T cùng nhóm người làm thuê đến khu rừng trên để nhóm người này cưa cắt cây và dọn sạch mặt bằng, để bị cáo Vũ Văn T có thể trồng được cây mới theo thỏa thuận của bị cáo Dương Văn E với bị cáo Vũ Văn T trước đó. Tại đây, bị cáo Dương Văn E sử dụng con dao mang theo bên người để đánh dấu vị trí và ranh giới khu rừng cho bị cáo Vũ Văn T. Rồi bị cáo Vũ Văn T nói lại cho Mua Mí P, là người đi ngay sát sau bị cáo Vũ Văn T và bảo Mua Mí P làm theo những vị trí mà bị cáo Dương Văn E đã chỉ. Sau đó, các bị cáo Dương Văn

E và Vũ Văn T quay trở về nhà để nhóm người làm thuê bắt đầu công việc cưa cắt cây rừng. Trung bình mỗi ngày nhóm người làm thuê cưa cắt cây rừng được khoảng 01 (một) héc ta đất rừng, cưa cắt khoảng 700 cây gỗ các loại.

Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 30/7/2021, khi nhóm đối tượng làm thuê đang cưa cắt cây rừng thì bị Hạt kiểm lâm huyện Lộc Bình phối hợp với Uỷ ban nhân dân (UBND) xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn tiến hành kiểm tra, phát hiện 09 (chín) đối tượng trên đang chặt phá rừng tự nhiên phòng hộ tại thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tổ công tác đã yêu cầu các đối tượng chấm dứt hành vi vi phạm và lập biên bản ghi nhận sự việc để tiếp tục xác minh làm rõ. Qua kiểm tra đo diện tích khu rừng bị chặt phá thuộc lô số 02, khoảnh 12, tiểu khu 359 (theo bản đồ hiện trạng rừng xã H năm 2020) thuộc thửa đất số 394, tờ bản đồ số 01 (bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H) thuộc quyền quản lý của UBND xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Kiểm tra diện tích rừng tự nhiên bị chặt phá khoảng 3,5 ha, gồm các loại cây như Kháo ngứa, Sau Sau và các loại cây thông thường khác.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường ngày 31/7/2021 cho kết quả: Diện tích khu rừng bị chặt phá tại khu đồi *"Lùng Hâu"* thuộc thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, hiện trường cụ thể tại lô số 02, khoảnh 12, tiểu khu 359 (theo bản đồ hiện trạng rừng xã H năm 2020), thuộc thửa đất số 394, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Khu vực bị chặt phá nằm trọn trong thửa đất 394. Diện tích có cây rừng bị chặt phá là 43.420 m² (bốn mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi mét vuông). Xác định tổng số cây bị cưa, phá là 2.909 (hai nghìn chín trăm Lnh chín) cây, có trữ lượng 68,292 m^3 (sáu mươi tám phẩy hai chín hai mét khối) là cây gỗ thuộc loại thực vật thông thường, gồm: 06 (sáu) cây Kháo, có khối lượng 0,499 m^3; 55 (năm mươi năm) cây Sau Sau, có khối lượng 9,414 m^3; 2.848 (hai nghìn tám trăm bốn mươi tám) cây gỗ thuộc loài thực vật thông thường, có khối lượng 58,379 m^3.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp ngày 27/6/2022 của Giám định viên Nông Văn H - Công tác tại Hạt kiểm lâm huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn kết luận về đối tượng giám định như sau: (1) Xác định diện tích: Sử dụng máy định vị GPS GARMIN gpsmap 64s đo một vòng khép kín toàn bộ hiện trường khu vực rừng bị chặt phát được diện tích là 43.420 m². (2) Xác định loại rừng: Diện tích 43.420 m² có cây rừng bị chặt phá thuộc lô số 02, khoảnh 12, tiểu khu 359 (Theo bản đồ hiện trạng rừng xã H năm 2020), trạng thái rừng thể hiện trên bản đồ: TXP (rừng lá rộng thường xanh chưa có trữ lượng). Đối chiếu với bản đồ điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng xã H theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn thì diện tích trên tại khoảnh 12, tiểu khu 359 thuộc quy hoạch "**Rừng phòng hộ"**. Căn cứ theo Điều 4 Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và kết quả giám định thực tế tại hiện trường thì diện tích 43.420 m² có cây rừng bị chặt phá thuộc đối tượng : **"Rừng phòng hộ là rừng tự nhiên".** (3) Xác định trữ lượng gỗ: Trên diện tích 43.420 m², tổng số cây gỗ bị chặt phá là 2.909 cây, tương đương mật độ 670 cây/ha. Số cây bị thiệt hại gồm các loài cây: Sau Sau, Kháo và một số cây chưa xác định được tên loài thuộc nhóm loài thông thường (ký hiệu SP), mật độ cây rừng bị chặt hạ phân bố không đồng đều trên toàn bộ diện tích bị thiệt hại. Tổng trữ lượng gỗ bị thiệt hại là 68,292 m^3, tương đương trữ lượng 15,728 m^3/ha. Căn cứ theo

Phụ lục I, phân chia trạng thái rừng (Ban hành kèm theo Thông số 33/2018/TT-BNN&PTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng) thì diện tích có cây bị chặt phá là **"Rừng nghèo kiệt"** (Ký hiệu trạng thái rừng TXK).

Tại bản Kết luận giám định tư pháp (giám định bổ sung) trong lĩnh vực lâm nghiệp số: 05-2023/KL/GĐCN ngày 12/10/2023 của Giám định viên Nông Văn H - Công tác tại Hạt kiểm lâm huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn kết luận:

- Xác định mật độ cây rừng, trữ lượng rừng, chiều cao trung bình cây rừng bị thiệt hại: Trên diện tích 43.420 m² có cây rừng bị thiệt hại, tổng số cây gỗ bị chặt phá là 2.909 cây, tương đương mật độ 670 cây/ha. Số cây bị thiệt hại gồm các loài cây: Sau Sau, Kháo, và một số cây chưa xác định được tên loài thuộc nhóm loài thông thường (ký hiệu SP); mật độ cây rừng bị chặt hạ phân bố không đồng đều trên toàn bộ diện tích bị thiệt hại. Tổng trữ lượng gỗ bị thiệt hại là 68,292 m³, tương đương trữ lượng 15,728 m³/ha. Do mật độ cây rừng bị chặt phá phân bố không đồng đều trên diện tích 43.420 m² và một số vị trí cây rừng bị chặt hạ đổ dạt sang nhiều hướng khác nhau, một số cây rừng không xác định được vị trí gốc chặt (theo văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định ngày 24/6/2022), tiến hành kiểm tra, đo đếm xác định mật độ gốc chặt tại vị trí trên để đo bóc tách phần diện tích có mật độ cây rừng dầy, thưa khác nhau theo sự phân bố, cụ thể như sau:

+ Phần diện tích 9.876 m²: Hiện trạng có mật độ gốc cây rừng dầy, phân bố đều trên toàn bộ diện tích. Qua kiểm đếm có 980 gốc chặt, tương đương mật độ 992 gốc/ha, đường kính gốc chặt từ 05 cm - 33 cm. Qua đối chiếu với bảng kê chi tiết số cây bị thiệt hại (kèm theo Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định ngày 24/6/2022) thì số lượng gốc chặt tại vị trí trên trùng khớp với số lượng cây trong bảng kê chi tiết số cây bị thiệt hại ngày 24/6/2022. Qua tính toán tổng trữ lượng cây gỗ bị chặt phá tại vị trí trên là: 46,409 m², tương đương trữ lượng 46,992 m³/ha, chiều cao trung bình của cây rừng bị thiệt hại tại vị trí trên là 6,57 m. Căn cứ quy định tại Điều 4 về tiêu chí rừng tự nhiên quy định tại Nghị định số: 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Căn cứ theo Phụ lục I, phân chia trạng thái rừng (Ban hành kèm theo Thông tư số: 33/2018/TT-BNN&PTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng) thì diện tích có cây bị chặt phá là thuộc **"Rừng tự nhiên núi đất"**, có trạng thái là: "**Rừng nghèo kiệt"** (ký hiệu là TXK), trữ lượng $10<M\leq50$.

+ Phần diện tích 33.544 m²: Hiện trạng có mật độ gốc cây rừng thưa thớt, phân bố không đồng đều trên toàn bộ diện tích. Qua kiểm đếm có 1.929 gốc chặt, tương đương mật độ 575 gốc/ha, đường kính gốc chặt nhỏ, phần lớn từ 05 cm - 07 cm, cá biệt có một số gốc chặt có đường kính 32 cm phân bố rải rác trên toàn bộ diện tích. Qua đối chiếu với bảng kê chi tiết số cây bị thiệt hại (kèm theo Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định ngày 24/6/2022) thì số lượng gốc chặt tại vị trí trên trùng khớp với số lượng cây trong bảng kê chi tiết số cây bị thiệt hại ngày 24/6/2022. Qua tính toán tổng trữ lượng cây gỗ bị chặt phá tại vị trí trên là 21,883 m^3, tương đương trữ lượng 6,524 m³/ha, chiều cao trung bình của cây rừng bị thiệt hại tại vị trí trên là 4,64 m. Căn cứ quy định tại Điều 4 về tiêu chí rừng tự nhiên quy định tại Nghị định số: 156/2018/NĐ-CP,

ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp thì phần diện tích trên **"Chưa đủ tiêu chí là rừng tự nhiên"**, (chiều cao trung bình của cây rừng tại vị trí trên dưới 05 m).

- Xác định diện tích: Sử dụng máy định vị GPS GARMIN gpsmap 64s đo khép kín toàn bộ diện tích có cây rừng bị chặt phá có mật độ dày và mật độ thưa tại lô số 02, khoảnh 12, tiểu khu 359 (theo bản đồ hiện trạng rừng xã H năm 2021) được diện tích 43.420 m². Qua kiểm tra, đo đạc xác định phần diện tích 9.876 m² đủ tiêu chí thành rừng: **"Rừng tự nhiên núi đất"**, có trạng thái là: **Rừng nghèo kiệt** (ký hiệu là TXK),

- Xác định loại rừng bị chặt phá: Toàn bộ diện tích 43.420 m² thuộc lô số 02, khoảnh 12, tiểu khu 359 (theo bản đồ hiện trạng rừng xã H năm 2020), đối chiếu với bản đồ điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng xã H theo Quyết định số: 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 thì diện tích trên tại khoảnh 12, tiểu khu 359 thuộc quy hoạch **"Rừng phòng hộ".**

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 17 ngày 13/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Lộc Bình định giá 2.909 cây gỗ bị thiệt hại gồm các cây Kháo, Sau Sau và cây gỗ thuộc loài thực vật thông thường, trị giá 43.895.500 đồng (bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi năm nghìn năm trăm đồng).

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Dương Văn E và Vũ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Về vật chứng của vụ án hiện đang tạm giữ: Trong quá trình giải quyết vụ án, cơ quan chức năng đã tạm giữ 02 (hai) cưa máy và 07 (bẩy) con dao bằng kim loại có tra cán gỗ. Ngoài ra, sau khi khám nghiệm hiện trường, ngày 31/7/2021, Hạt Kiểm Lâm huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã bàn giao số cây gỗ đã bị cưa hạ có khối lượng 68,292 m^3 cho UBND xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để quản lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của UBND xã H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo đã gây ra. Ngày 15/12/2023, bị cáo Dương Văn E đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn để bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả. Ngày 18/12/2023, bị cáo Vũ Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn để bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả.

Bản Cáo trạng số 04/CT-VKSLB ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Dương Văn E, Vũ Văn T về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Các bị cáo Dương Văn E và Vũ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi Hủy hoại rừng của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Tại những lời khai trong hồ sơ, người đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là ông Nguyễn Văn U trình bày: Uỷ ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành

vi vi phạm pháp luật của các bị cáo đã gây ra, đồng ý với việc các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

Tại những lời khai trong hồ sơ vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ Lên quan ông Mua Mí M, ông Mua Mí P, ông Giàng Mí H, ông Vàng Lão S, anh Ly Mí S, anh Lầu Mí T, anh Sùng Mí H, anh Chảo Mí S và anh Chảo Lão S đều trình bày được các bị cáo thuê chặt cây và không biết các cây đã chặt thuộc rừng phòng hộ tự nhiên, không có ý kiến gì về các công cụ dùng để chặt cây, đề nghị giải quyết về vật chứng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Dương Văn E, Vũ Văn T phạm tội Hủy hoại rừng. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17 và Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị xử phạt các bị cáo Dương Văn E và Vũ Văn T mỗi người 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Uỷ ban nhân dân xã H của bị cáo Dương Văn E và Vũ Văn T với tổng số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), trong đó mỗi bị cáo đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Đề nghị tịch thu tiêu huỷ vật chứng các công cụ phạm tội trong vụ án do đã hư hỏng, mục nát, không còn giá trị sử dụng. Giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội, rất hối hận và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn dân sự là Uỷ ban nhân dân xã H và người có quyền lợi, nghĩa vụ Lên quan đến vụ án ông Mua Mí M vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ Lên quan đến vụ án ông Mua Mí P, ông Giàng Mí H, ông Vàng Lão S, anh Ly Mí S, anh Lầu Mí T, anh Sùng Mí H, anh Chảo Mí S và anh Chảo Lão S vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nhưng đã có lời khai trong hồ sơ. Xét thấy, việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định tư pháp, kết luận định giá tài sản và những chứng cứ, tài Lệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở để xác định: Bị cáo Dương Văn E không có quyền quản lý, sử dụng đất tại khu rừng thuộc đồi *"Lùng Hâu"* thuộc lô số 02, khoảnh 12, tiểu khu 359 (bản đồ hiện trạng rừng xã H năm 2020), theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H là thuộc thửa đất số 394, tờ bản đồ số 01 tại thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (thuộc quyền quản lý của UBND xã H) nhưng tự thoả thuận cho bị cáo Vũ Văn T thuê quyền sử dụng đất với tiền cho thuê là 1.000.000 đồng/1ha đất rừng/01 năm, thời hạn 20 năm để bị cáo Vũ Văn T cưa cắt cây và dọn sạch mặt bằng để trồng cây bạch đàn thay thế để làm kinh tế. Thoả thuận thuê quyền sử dụng đất giữa các bị cáo là vi phạm quy định của pháp luật về đất đai. Vào sáng ngày 26/7/2023, bị cáo Dương Văn E đã đưa bị cáo Vũ Văn T cùng với nhóm người ở tỉnh Hà Giang mà bị cáo Vũ Văn T đã thuê, gồm: Mua Mí P, Giàng Mí H, Vàng Lão S, Ly Mí S, Lầu Mí T, Sùng Mí H, Thào Mí Pó, Chảo Mí S và Chảo Lão S lên đánh dấu và chỉ vị trí khu rừng cho bị cáo Vũ Văn T để các đối tượng trên tiến hành dùng dao và cưa máy chặt phá cho bị cáo Vũ Văn T. Từ sáng ngày 26/7/2021 đến ngày 30/7/2021, các đối tượng được thuê đã chặt phá rừng "Lùng Hâu" nói trên với tổng diện tích có cây rừng bị chặt phá là 43.420 m², trong đó: Phần diện tích **9.876 m² "Đủ tiêu chí thành rừng",** có 980 cây bị chặt, tổng trữ lượng cây gỗ bị chặt là 46,409 m^3, tương đương trữ lượng 46,992 m^3/ha, thuộc **"Rừng tự nhiên núi đất**", có trạng thái là: "**Rừng nghèo kiệt"** (ký hiệu là TXK), trữ lượng 10<M≤50. Còn phần diện tích 33.544 m² có 1.929 cây bị chặt phá; đường kính gốc chặt từ 05 cm - 07 cm; tổng trữ lượng cây gỗ bị chặt là 21,833 m^3, tương đương trữ lượng 6,524 m^3/ha; chiều cao trung bình của cây rừng bị thiệt hại là 4,64 m, **"Chưa đủ tiêu chí là rừng tự nhiên**" (chiều cao trung bình của cây rừng tại vị trí trên dưới 05 m). Tổng số cây gỗ bị chặt hạ là 2.909 cây, gồm các cây Kháo, Sau Sau và các cây gỗ thông thường, trị giá 43.895.500 đồng (bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi năm nghìn năm trăm đồng). Như vậy, bị cáo Dương Văn E và bị cáo Vũ Văn T đã huỷ hoại rừng với diện tích **9.876 m² "Đủ tiêu chí thành rừng",** có 980 cây bị chặt, tổng trữ lượng cây gỗ bị chặt là 46,409 m^3, tương đương trữ lượng 46,992 m^3/ha, thuộc **"Rừng tự nhiên núi đất**", có trạng thái là: "**Rừng nghèo kiệt"** (ký hiệu là TXK), trữ lượng 10<M≤50, thuộc quy hoạch "Rừng phòng hộ", hành vi của các bị cáo đã vi phạm khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp về *Nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng* là: "*Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt*" và vi phạm điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp về *bảo vệ hệ sinh thái rừng phòng hộ* là: "*Không tiến hành các hoạt động sau đây trong rừng phòng hộ: Các hoạt động làm thay đổi cảnh quan tự nhiên của khu rừng; khai thác trái phép tài nguyên sinh vật và các tài nguyên thiên nhiên khác; gây ô nhiễm môi trường; mang hóa chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy trái quy định của pháp luật vào rừng; chăn thả gia súc, gia cầm, vật nuôi trên diện tích mới trồng rừng, đang trong thời*

kỳ chăm sóc”. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về rừng, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo luật định, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện do vậy cần được xử lý theo quy định của pháp luật nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và là người có nhân thân tốt. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, các bị cáo Dương Văn E, Vũ Văn T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân; tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả bằng việc nộp tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Vũ Văn T có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Doan được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo Dương Văn E là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khan; đại diện Uỷ ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Các bị cáo là đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn và có vai trò ngang nhau trong thực hiện tội phạm. Ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, không vi phạm các điều cấm của pháp luật; có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật khác trong thời gian tại ngoại; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi đang cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với mức độ, tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh, các bị cáo không có công việc cũng như thu nhập ổn định hay tài sản riêng do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã H, huyện L với tổng số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), trong đó bị cáo Dương Văn E đã bồi thường số tiền

30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền ký hiệu BLTT/23, số: 0002272 ngày 15/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; bị cáo Vũ Văn T đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền ký hiệu BLTT/23, số: 0002275 ngày 18/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường này.

[9] Về vật chứng của vụ án: Đối với 02 (hai) cưa máy và 07 (bẩy) con dao bằng kim loại có tra cán gỗ là công cụ phạm tội, do để lâu ngày đã bị han gỉ, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu huỷ. Đối với số cây gỗ đã bị cưa hạ có khối lượng 68,292 m^3 đã được Hạt Kiểm Lâm huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã bàn giao cho Uỷ ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để quản lý theo quy định, hiện đã bị mục nát, hư hỏng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12- 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vì đã thực hiện xong trách nhiệm bồi thường dân sự trước khi mở phiên tòa.

[11] Đối với ông Nguyễn Văn U - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, là Trưởng ban chỉ huy các vấn đề cấp bách trong quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng xã H năm 2021, là người được phân công nhiệm vụ trong công tác bảo vệ rừng. Ông Nguyễn Văn U đã trực tiếp tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã H ban hành các Kế hoạch, văn bản về công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Trực tiếp chỉ đạo và tham gia cùng các thành viên trong Ban chỉ huy các vấn đề cấp bách trong quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng xã H cùng với Kiểm lâm viên địa bàn, tổ đội quần chúng bảo vệ rừng trên địa bàn xã H tiến hành công tác tuần tra rừng, tuyên truyền công tác bảo vệ rừng. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi, tính chất vụ án nên xác định không có vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với các thành viên trong Ban chỉ huy các vấn đề cấp bách trong quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng xã H và tổ đội quần chúng bảo vệ rừng thôn P, chỉ là những người thực hiện công việc do Trưởng Ban chỉ huy các vấn đề cấp bách trong quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng phân công, chỉ đạo; không được giao quản lý lâm sản cụ thể nên xác định những người này không có vi phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với ông Hà Quang Hảo - Kiểm lâm viên địa bàn, trong năm 2021 đã phối hợp với ban chỉ huy các vấn đề cấp bách trong quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng xã H tham mưu cho UBND xã ban hành các văn bản về công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Đồng thời phối hợp với UBND xã H tiến hành tuyên truyền công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng và tiến hành kiểm tra rừng trên địa bàn xã H. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi, tính chất vụ án, xác

định trong quá trình thực hiện nhiệm vụ không có vi phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với Mua Mí M là người đã bảo nhóm người làm thuê đi theo bị can Vũ Văn T để chặt phá cây trên diện tích rừng trên, bản thân Mỷ không biết khu rừng trên là rừng tự nhiên phòng hộ, khi trao đổi thỏa thuận với bị can Tiệp thì Tiệp cho biết là có giấy phép cải tạo rừng nên không đặt vấn đề xử lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với Mua Mí P, Giàng Mí H, Vàng Lão S, Ly Mí S, Lầu Mí T, Sùng Mí H, Chảo Mí S, Chảo Lão S và Thào Mí Pó (đã chết) đều là những người dân tộc thiểu số, sinh sống tại nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế và là những người làm thuê để kiếm tiền, bản thân những người này không biết khu rừng trên là rừng tự nhiên phòng hộ, quá trình bị can Ệ đưa đi chỉ vị trí và ranh giới khu rừng, bị can Tiệp cho biết là có giấy phép cải tạo rừng nên không đặt vấn đề xử lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Đối với bà Lê Thị H - sinh năm 1968, trú tại khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn là người đã thuê Mua Mí M đến chăm sóc khu rừng bạch đàn của ông Vũ Văn Q - sinh năm 1986, trú tại thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn tại Thôn T, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Bà Lê Thị H không được biết việc làm của bị can Vũ Văn T với Mua Mí M và những người làm thuê nên không có căn cứ xử lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Bị cáo, người đại diện của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ Lên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[18] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 243, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Văn E và bị cáo Vũ Văn T.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136; Điều 293; Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12- 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn E và bị cáo Vũ Văn T phạm tội Huỷ hoại rừng.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Dương Văn E 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/01/2024).

2.2. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/01/2024).

Giao bị cáo Dương Văn E cho Uỷ ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; giao bị cáo Vũ Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa các bị cáo và nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã H, huyện L về việc bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản với tổng số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), trong đó bị cáo Dương Văn E đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền ký hiệu BLTT/23, số: 0002272 ngày 15/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; bị cáo Vũ Văn T đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền ký hiệu BLTT/23, số: 0002275 ngày 18/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 02 (hai) cưa máy và 07 (bẩy) con dao bằng kim loại có tra cán gỗ.

(Vật chứng trên được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/01/2024)

5. Về án phí: Các bị cáo phải chịu mỗi người 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ Lên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA h.Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ Lên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang